

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế nhà trường  
Năm học 2021 – 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1205</b>	<b>403</b>	<b>389</b>	<b>413</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1053 87,39	317 78,66	337 66,7	399 (96,4)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	126 10,46	65 16,131	47 12,08	14 (3,38)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16 1,33	13 3,23	3 0,77	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	10 0,83	8 1,99	2 0,51	
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1205</b>	<b>403</b>	<b>389</b>	<b>413</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	348 28,88	67 16,63	83 21,34	198 (47,83)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	706 58,59	238 59,06	255 65,55	213 (51,45)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	151 12,53	91 22,58	60 15,42	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,58	6 1,49	1 0,26	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,08	1 0,25	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1205</b>	<b>403</b>	<b>389</b>	<b>413</b>
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1197 99,34	396 98,26	388 99,74	413 100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	348 28,88	67 16,63	83 21,34	198 (47,83)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	706 58,59	238 59,06	255 65,55	213 (51,45)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,58	6 1,49	1 0,26	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,08	1 0,25	0	
4	Chuyển trường đến/đi	7/3	4/1	3/1	0/1

	(tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, các cuộc thi, hội thi, Olympic, giao lưu...</b>				
1	Cấp tỉnh/thành phố	35			35
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>413</b>			<b>413</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>				
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng</b> (tỷ lệ so với tổng số)				
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	<b>504</b> <b>/633</b>	179 /230	165 /214	160 /189
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>				

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (đề b/c);
- Lưu: VP.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Hoàng Trung Sâm**